

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2024 -2025**

(theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Phần đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng 2 -> 3% so với đầu năm. - Phần đầu giảm tỷ lệ béo phì 0.5 -> 1% so với đầu năm. - Trẻ ngoan, có nề nếp vệ sinh văn minh tốt. Trẻ có một số kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng thực hành cuộc sống 97 -> 99% trẻ đạt yêu cầu độ tuổi.	
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Triển khai và chỉ đạo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục mầm non.	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực (mục tiêu) phát triển	- 100% trẻ được đảm bảo an toàn về mặt thể chất và tinh thần. - 100% giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non. - Đáp ứng được mục tiêu phát triển theo 4 lĩnh vực: + Phát triển nhể chất: 100% + Phát triển nhận thức: 97.5% + Phát triển ngôn ngữ: 90% + Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội: 97.5%	- 100% trẻ được đảm bảo an toàn về mặt thể chất và tinh thần. - 100% giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục Mầm non. - Đáp ứng được mục tiêu phát triển theo 5 lĩnh vực: + Phát triển nhể chất: 100% + Phát triển nhận thức: 99% + Phát triển ngôn ngữ: 99% + Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội: 92% + Phát triển thẩm mỹ: 98%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Tổ chức tốt các lễ hội - Hoạt động ngoại khóa - Các chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục cho trẻ.	

Tân Phú, ngày 16 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Tùng

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2024 – 2025
(theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	289	0	11	20	72	78	108
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	289	0	11	20	72	78	108
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	289	0	11	20	72	78	108
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	289	0	11	20	72	78	108
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	289	0	11	20	72	78	108
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	289	0	11	19	70	72	103
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	2	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	289	0	11	20	72	78	108
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0	5	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0	0	0	1	2	4	5
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	31	0	0	31	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	258	0	0	0	72	78	108

Tân Phú, ngày 16 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thị Tùng

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2024- 2025**

(theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	10	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	10	
1	Phòng học kiên cố	10	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1.652,6 m ²	1.652,6 m ² /282 trẻ em 5,9 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	664,3 m ²	664,3 m ² /282 trẻ em 2,4 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	736 m ²	736 m ² /282 trẻ em 2,6 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	374,6 m ²	374,6 m ² /282 trẻ em 1,32 m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	188,6 m ²	188,6 m ² /282 trẻ em 0,66 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	172,8 m ²	172,8 m ² /282 trẻ em 0,61 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	111 m ²	3,2 m ² /trẻ em
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	75 m ²	2,1 m ² /trẻ em

7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	86 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	373 bộ	+ 13-18 tháng: 15 bộ/nhóm + 19-24 tháng: 23 bộ/nhóm + 25-36 tháng: 30 bộ/nhóm + 3-4 tuổi (Mầm): 105 bộ/3lớp + 4-5 tuổi (Chồi): 135 bộ/3 lớp + 5-6 tuổi (Lá): 100 bộ /2 lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	00	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	39	
1	Ti vi	13	
2	Nhạc cụ (đàn organ)	05	
3	Máy photo	01	
4	Máy fax	01	
5	Hệ thống âm thanh	02	
6	Hệ thống sân khấu - âm thanh	01	
7	Máy vi tính	14	
8	Máy in	03	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	07	Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Cân điện tử	01	
2	Đồ chơi nước	04	
3	Đồ chơi vận động tự tạo	06	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10	10		0,64 m ² /trẻ	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Tân Phú, ngày 16 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thị Tùng

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý
và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 - 2025
(theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	34	0	2	22	3	0	6	1	19	7				
I	Giáo viên	22	0	0	20	2	0	0	0	18	4				
1	Nhà trẻ	6	0	0	5	1	0	0	0	5	1				
2	Mẫu giáo	16	0	0	15	1	0	0	0	13	3				
II	Cán bộ quản lý	3	0	2	1	0	0	0	0	0	3				
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1				
2	Phó hiệu trưởng	2	0	1	1	0	0	0	0	0	2				
III	Nhân viên	9	0	0	1	1	2	5	1	1	0				
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0				
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0				
3	Nhân viên nuôi dưỡng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
5	Nhân viên khác	5	0	0	0	0	2	3	0	0	0				
6	Nhân viên bảo vệ	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0				

Tân Phú, ngày 16 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Tùng